

CÔNG TY: CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - TST
Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, P. Khương Trung, Q.
Thanh Xuân-HN
Tel: 3 568 2245 Fax: 3 0568 2240

Báo cáo tài chính
Quý III năm tài
chính 2017

Mẫu số: B01-DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chi tiêu		Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182,993,153,951	161,422,884,575
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,844,072,061	7,465,680,717
1.	Tiền	111		1,844,072,061	7,245,680,717
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	220,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		141,150,289,395	123,604,664,440
1.	Phải thu khách hàng	131		70,197,360,570	85,802,432,523
2.	Trả trước cho người bán	132		4,645,573,238	1,267,155,691
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Các khoản phải thu khác	136		71,416,230,841	41,643,951,480
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5,245,043,055)	(5,245,043,055)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		136,167,801	136,167,801
IV.	Hàng tồn kho	140		37,754,959,852	29,333,254,046
1.	Hàng tồn kho	141		38,632,587,223	30,210,881,417
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(877,627,371)	(877,627,371)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2,243,832,643	1,019,285,372
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		203,799,481	89,575,573
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		182,954,909	349,515,885
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,857,078,253	580,193,914
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55,686,304,893	54,212,596,193
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		124,077,242	124,077,242
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		124,077,242	124,077,242
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		34,956,859,503	34,605,660,564
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		14,928,121,685	14,570,172,746
-	- Nguyên giá	222		56,125,547,370	55,410,134,981
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,197,425,685)	(40,839,962,235)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	- Nguyên giá	225		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

Chi tiêu		Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.	Tài sản cố định vô hình	227		20,028,737,818	20,035,487,818
	- Nguyên giá	228		20,199,237,818	20,199,237,818
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(170,500,000)	(163,750,000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		1,132,913,636	1,054,313,636
1.	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,132,913,636	1,054,313,636
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		17,550,210,580	16,838,035,569
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16,590,210,580	15,878,035,569
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn v khác	253		5,890,000,000	5,890,000,000
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(4,930,000,000)	(4,930,000,000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1,922,243,932	1,590,509,182
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		1,922,243,932	1,590,509,182
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết b vật tư phụ tùng thay thế	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		238,679,458,844	215,635,480,768
NGUỒN VỐN				238,679,458,844	215,635,480,768
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		135,324,688,425	105,625,244,141
I.	Nợ ngắn hạn	310		134,826,786,737	103,879,674,198
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		21,332,882,073	28,165,474,505
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,648,272,172	9,146,991,544
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	312		805,274,483	2,785,336,367
4.	Phải trả người lao động	314		906,536,439	1,370,163,784
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		18,782,618,852	9,567,933,258
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	125,454,545
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		27,306,704,424	30,076,903,977
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		62,918,668,189	22,544,192,776
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		97,223,442	97,223,442
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28,606,663	-
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		497,901,688	1,745,569,943
1.	Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí trả trước dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện	336		277,901,688	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		220,000,000	220,000,000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	1,525,569,943
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

Chi tiêu		Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13.	Quỹ phát triển khoa học và kỹ thuật	343		-	
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103,354,770,419	110,010,236,627
I.	Vốn chủ sở hữu	410		103,354,770,419	110,010,236,627
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48,000,000,000	48,000,000,000
	- cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48,000,000,000	48,000,000,000
	- cổ phiếu ưu đãi	a11b		-	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		36,312,124,381	49,699,560,000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1,503,280,582	7,196,802,018
9.	Quỹ dự phòng tài chính	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		439,670,946	119,132,759
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(675,961,273)	(13,387,435,619)
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(13,387,435,619)</i>	<i>(17,612,986,287)</i>
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>12,711,474,346</i>	<i>4,225,550,668</i>
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
13.	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17,775,655,783	18,382,177,469
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		238,679,458,844	215,635,480,768

Người Lập biểu


Sơn Hồng Sơn

Trưởng phòng kế toán


Trần Trung Hiếu



Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc


Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY: CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - TST

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân-HN
Tel: 3 568 2245 Fax: 3 0568 2240

Báo cáo tài chính

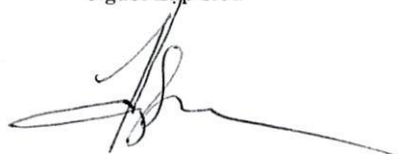
Quý III năm tài chính 2017

Mẫu số: B02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
5						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		38,633,343,754	18,382,173,389	118,082,054,021	56,318,016,709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		211,533,750	871,009,016	211,533,750	871,009,016
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		38,421,810,004	17,511,164,373	117,870,520,271	55,447,007,693
4. Giá vốn hàng bán	11		32,485,040,583	13,349,312,099	100,326,254,662	43,651,708,353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5,936,769,421	4,161,852,274	17,544,265,609	11,795,299,340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		42,833,970	(3,686,978)	52,270,078	326,161,497
7. Chi phí tài chính	22		1,088,169,398	409,318,518	1,968,150,447	877,320,122
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,088,169,398	42,912,383	1,772,082,460	502,568,165
8. Phần Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		314,433,192	651,012,370	712,175,011	1,140,332,286
9. Chi phí bán hàng	25		587,479,143	886,344,218	2,505,153,426	2,285,452,809
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4,216,998,519	3,434,076,905	13,204,683,081	9,324,363,932
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		401,389,523	79,438,025	630,723,744	774,656,260
12. Thu nhập khác	31		464,000,000	458,625,201	486,463,870	958,389,902
13. Chi phí khác	32		26,247,411	165,866,974	101,603,071	242,856,780
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		437,752,589	292,758,227	384,860,799	715,533,122
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		839,142,112	372,196,252	1,015,584,543	1,490,189,382
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			(19,843,747)		1,653,483
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		839,142,112	392,039,999	1,015,584,543	1,488,535,899
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(205,088,850)	(144,509,104)	(606,521,686)	(141,237,942)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông đa số	62		1,044,230,962	536,549,103	1,622,106,229	1,629,773,841
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		218	112	338	340
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		218	112	338	340

Người Lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Trưởng phòng kế toán.



Trần Trung Hiếu

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc



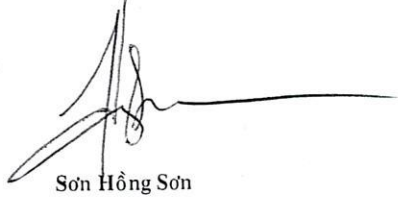
Phan Sỹ Kiên

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT-QUÝ III HỢP NHẤT

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,015,584,543	1,490,189,382
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,762,678,334	2,145,083,718
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		190,567,987	9,792,043
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(712,175,011)	(1,140,332,286)
- Chi phí lãi vay	06		1,772,082,460	502,568,165
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(42,833,970)	(153,361,497)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
3	08		3,985,904,343	2,853,939,525
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18,655,948,318)	18,182,987,240
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8,421,705,806)	(5,637,500,042)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thu)	11		(9,178,067,849)	(10,577,191,964)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(445,958,658)	11,349,741
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(1,772,082,460)	(502,568,165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(6,094,263)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8,204,178,105)	(1,051,088,894)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(42,692,036,853)	3,273,833,178
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,192,477,273)	(2,911,556,000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		464,000,000	501,818,182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	172,800,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,728,477,273)	(2,236,937,818)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành, cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
Tiền thu từ đi vay	33		96,797,341,555	30,613,874,201
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57,948,436,085)	(32,896,955,680)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận, đã trả cho chủ sở hữu	36		(50,000,000)	(22,320,000)

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38,798,905,470	(2,305,401,479)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5,621,608,656)	(1,268,506,119)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7,465,680,717	4,673,457,382
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1,844,072,061	3,404,951,263

Người Lập biểu

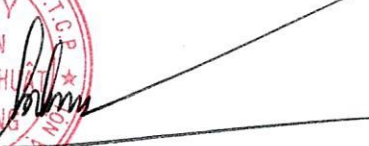

Sơn Hồng Sơn

Trưởng phòng kế toán


Trần Trung Hiếu



Lập ngày 20 tháng 10 năm 2017
Tổng giám đốc


Phan Sỹ Kiên